TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 625/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/3/2025.
Về việc "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Ngọc Dưỡng;

Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự sơ thẩm số: 2988/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2596/2025/QĐXXST-DS ngày 14/3/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thế L, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thanh S**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Căn hộ A chung cư L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung Đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh S là vợ chồng, có kết hôn theo quy định, được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 40 ngày 13/5/2016. Sau khi kết hôn, hai người sống hạnh phúc với nhau, tuy nhiên sau đó cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ đó cuộc sống vợ chồng rơi vào bế tắc, căng thẳng kéo dài. Ông Trần Văn T xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh S.

Về con chung: Ông Trần Văn T khai giữa ông và bà Nguyễn Thị Thanh S có 01 người con chung tên Trần Khả T1 (sinh ngày 09/4/2016). Ông T yêu cầu giao con chung cho bà Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Hai người tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông T2 trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Đồng thời, ông T có đơn yêu cầu không hòa giải đoàn tụ và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Theo nội dung bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh S trình bày:* Bà Thanh S xác nhận những lời trình bày của ông T về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay ông T yêu cầu ly hôn, bà Thanh S đồng ý ly hôn. Đồng thời, bà Thanh S cũng đồng ý yêu cầu của ông T về việc giao con chung cháu Trần Khả T1 cho bà Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; hai người tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con; bà và ông T tự thỏa thuận về tài sản chung, hai người không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Bà Thanh S cũng yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

- *Theo nội dung bản ý kiến của con chung trên 07 tuổi – cháu Trần Khả T1 (sinh ngày 09/4/2016) trình bày:* Trường hợp cha mẹ cháu không còn sống chung với nhau, cháu có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Xét thấy, nguyên đơn - ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn - bà Nguyễn Thị Thanh S, do đó căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp "Ly hôn". Bị đơn có địa chỉ tại thành phố T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Do nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ nên vụ án thuộc trường hợp

không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo nội dung ông T và bà Thanh S trình bày cũng như các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Ông T và bà Thanh S có thời gian sống chung với nhau như vợ chồng, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định, được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 40 ngày 13/5/2016. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, ông T và bà Thanh S đáp ứng đủ các điều kiện kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau thời gian chung sống, cuộc sống vợ chồng giữa ông T và bà Thanh S phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người cũng sống ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn. Chính vì những lẽ đó nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Thanh S. Quá trình giải quyết vụ án, cả hai người đều yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, điều đó thể hiện cả hai không muốn đoàn tụ với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, hai bên không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho ông T ly hôn với bà Thanh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Ông T và bà Thanh S cùng xác định có 01 người con chung tên Trần Khả T1 (sinh ngày 09/4/2016). Ông T yêu cầu sau khi ly hôn, giao con chung cho bà Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con. Xét thấy, theo bản tự khai ghi nhận ý kiến của con chung trên 7 tuổi, cháu Trần Khả T1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ; đồng thời, bà Thanh S cũng thống nhất đồng ý với yêu cầu nêu trên của ông T, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của hai bên. Giao con chung – cháu Trần Khả T1 cho bà Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Hai bên xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Trần Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 115, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Trần Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh S.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh S (theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 40 đăng ký ngày 13/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh S có 01 người con chung tên Trần Khả T1 (sinh ngày 09/4/2016). Công nhận sự thỏa thuận giữa ông T và bà Thanh S về việc: Giao con chung – cháu Trần Khả T1 cho bà Nguyễn Thị Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Trần Văn T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Trần Văn T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068085 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Văn T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Dưỡng **Cao Quốc Hưng** **Phan Thị Ngọc Phú**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án, 12.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngọc Phú